

**CÔNG TY TNHH THU MUA VÀ XỬ LÝ PHẾ LIỆU NGỌC NGÀ**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THU MUA VÀ XỬ LÝ PHẾ LIỆU NGỌC NGÀ

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt: THU MUA VÀ XỬ LÝ PHẾ LIỆU NGỌC NGÀ

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110723932

**3. Ngày thành lập:** 22/05/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Nhà số 5, Tuyến 6, Thôn Ngọc Chi, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0766266123

Fax:

Email: ctyngocnga2024@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                                                        | 4511     |
| 2.  | Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                           | 4512     |
| 3.  | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                | 4513     |
| 4.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá)                                         | 4530     |
| 5.  | Bán mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                                                                | 4541     |
| 6.  | Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy                                                                                                   | 4542     |
| 7.  | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy<br>(Không bao gồm hoạt động đầu giá)                                            | 4543     |
| 8.  | Đại lý, môi giới, đầu giá hàng hóa<br>Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa, môi giới mua bán hàng hóa<br>(không bao gồm hoạt động đầu giá)   | 4610     |
| 9.  | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống<br>(không bao gồm bán buôn động vật sống và loại Nhà nước cấm) | 4620     |
| 10. | Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì                                                                                        | 4631     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |      |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 11. | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết:<br>Bán buôn thịt và các sản phẩm từ thịt<br>Bán buôn thủy sản<br>Bán buôn rau, quả<br>Bán buôn cà phê<br>Bán buôn chè<br>Bán buôn đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột<br>Kinh doanh thực phẩm chức năng                                                                                                                                                    | 4632 |
| 12. | Bán buôn đồ uống<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn rượu<br>- Bán buôn bia<br>- Bán buôn đồ uống không có cồn;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4633 |
| 13. | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4641 |
| 14. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn vali, cặp, túi, ví, hàng da và giả da khác<br>Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh<br>Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự<br>Bán buôn sách, báo, tạp chí, văn phòng phẩm<br>Bán buôn dụng cụ thể dục, thể thao<br>(trừ kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế) | 4649 |
| 15. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm<br>(trừ thiết bị ngoại vi phần mềm nguy trang dùng để ghi âm, ghi hình định vị, lưu trữ, du lịch)                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4651 |
| 16. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4652 |
| 17. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4653 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 18. | <p>Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác</p> <p>Chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị văn phòng, trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi;</li> <li>- Bán buôn bàn, ghế, tủ văn phòng;</li> <li>- Bán buôn phương tiện vận tải trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe đạp;</li> <li>- Bán buôn người máy thuộc dây chuyền sản xuất tự động;</li> <li>- Bán buôn dây điện, dây cáp điện, công tắc và thiết bị lắp đặt khác cho mục đích công nghiệp;</li> <li>- Bán buôn vật liệu điện khác như động cơ điện, máy biến thế;</li> <li>- Bán buôn các loại máy công cụ, dùng cho mọi loại vật liệu;</li> <li>- Bán buôn máy móc, thiết bị khác chưa được phân vào đâu để sử dụng cho sản xuất công nghiệp, thương mại, hàng hải và dịch vụ khác;</li> <li>- Bán buôn máy công cụ điều khiển bằng máy vi tính;</li> <li>- Bán buôn máy móc được điều khiển bằng máy vi tính cho công nghiệp dệt, may;</li> <li>- Bán buôn thiết bị và dụng cụ đo lường.</li> <li>- Mua bán trang thiết bị y tế thuộc loại B, C, D</li> </ul> | 4659 |
| 19. | <p>Bán buôn kim loại và quặng kim loại</p> <p>(trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4662 |
| 20. | <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn tre, nứa, gỗ cây và gỗ chế biến</p> <p>Bán buôn xi măng</p> <p>Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi</p> <p>Bán buôn kính xây dựng</p> <p>Bán buôn sơn, vécni</p> <p>Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh</p> <p>Bán buôn đồ ngũ kim</p> <p>Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4663 |
| 21. | <p>Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu</p> <p>Chi tiết:</p> <p>Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại, nguyên liệu để tái sinh bao gồm thu mua, sắp xếp, phân loại, làm sạch những hàng hóa đã qua sử dụng để lấy ra những phụ tùng có thể sử dụng lại (ví dụ: tháo dỡ ô tô, máy tính, ti vi cũ...), đóng gói, lưu kho và phân phối nhưng không thực hiện hoạt động nào làm biến đổi hàng hóa. Những hàng hóa được mua bán là những loại còn có giá trị.</p> <p>(Trừ kinh doanh phân bón, hóa chất, thuốc trừ sâu)</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4669 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh (trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                   | 8299 |
| 23. | Bán buôn tổng hợp<br>(trừ các loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4690 |
| 24. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ trong siêu thị (Supermarket)<br>Bán lẻ trong cửa hàng tiện lợi (Minimarket)                                                                                                                                                                                                                               | 4719 |
| 25. | Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 4721 |
| 26. | Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ thịt và các sản phẩm thịt trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ thủy sản trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ rau, quả trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ đường, sữa và các sản phẩm sữa, bánh, mứt, kẹo và các sản phẩm chế biến từ ngũ cốc, bột, tinh bột trong các cửa hàng chuyên doanh | 4722 |
| 27. | Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh<br>- Bán lẻ rượu<br>- Bán lẻ bia<br>- Bán lẻ đồ uống không có cồn;<br>- Bán lẻ nước khoáng thiên nhiên hoặc nước tinh khiết đóng chai khác                                                                                                                                                                                           | 4723 |
| 28. | Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4774 |
| 29. | Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4781 |
| 30. | Bán lẻ hàng dệt, may sẵn, giày dép lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4782 |
| 31. | Bán lẻ thiết bị công nghệ thông tin liên lạc lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4783 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |             |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 32. | Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng lưu động hoặc tại chợ;<br>Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn lưu động hoặc tại chợ;<br>Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu lưu động hoặc tại chợ;                                                            | 4784        |
| 33. | Bán lẻ hàng văn hóa, giải trí lưu động hoặc tại chợ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4785        |
| 34. | Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh lưu động hoặc tại chợ;<br>Bán lẻ hàng gốm sứ, thủy tinh lưu động hoặc tại chợ;<br>Bán lẻ hoa tươi, cây cảnh lưu động hoặc tại chợ;<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ lưu động hoặc tại chợ<br>(không bao gồm kinh doanh vàng miếng; kinh doanh súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; kinh doanh tem và tiền kim khí; không bao gồm hoạt động đấu giá) | 4789        |
| 35. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ hoạt động đấu giá)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4791        |
| 36. | Thu gom rác thải không độc hại<br>(Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 3811(Chính) |
| 37. | Thu gom rác thải độc hại<br>(Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3812        |
| 38. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại<br>(Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                       | 3821        |
| 39. | Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại<br>(Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3822        |
| 40. | Tái chế phế liệu<br>(Doanh nghiệp chỉ triển khai hoạt động kinh doanh khi đáp ứng các điều kiện theo quy định pháp luật chuyên ngành và pháp luật có liên quan khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 3830        |
| 41. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4741        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 42. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4742 |
| 43. | Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ chuyên doanh các mặt hàng:<br>- Vải;<br>- Len, sợi;<br>- Nguyên liệu chính để làm chăn, thảm thêu hoặc đồ thêu;<br>- Hàng dệt khác;<br>- Đồ kim chỉ: Kim, chỉ khâu...                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4751 |
| 44. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ đồ ngũ kim trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ kính xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ xi măng, gạch xây, ngói, đá, cát sỏi, sắt thép và vật liệu xây dựng khác trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ gạch ốp lát, thiết bị vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Bán lẻ ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác<br>Bán lẻ thiết bị lắp đặt vệ sinh: Ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su... | 4752 |
| 45. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4753 |
| 46. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4759 |
| 47. | Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ kinh doanh các ấn phẩm đòi truy)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4761 |
| 48. | Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(trừ kinh doanh các ấn phẩm đòi truy)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4762 |
| 49. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4763 |
| 50. | Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ loại Nhà nước cấm)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4764 |
| 51. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4771 |
| 52. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh<br>(Trừ bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4772 |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |      |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 53. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết:<br>Bán lẻ hoa, cây cảnh, cá cảnh, chim cảnh, vật nuôi cảnh trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ hàng lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ tranh, ảnh và các tác phẩm nghệ thuật khác (trừ đồ cổ) trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>Bán lẻ dầu hỏa, gas, than nhiên liệu dùng cho gia đình trong các cửa hàng chuyên do;<br>Bán lẻ đồng hồ, kính mắt trong các cửa hàng chuyên doanh;<br>(không bao gồm kinh doanh vàng miếng; kinh doanh súng, đạn loại dùng đi săn hoặc thể thao; kinh doanh tem và tiền kim khí) | 4773 |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|

6. **Vốn điều lệ:** 500.000.000 VNĐ

7. **Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                     | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|--------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐỨC NGỌC | Việt Nam  | Thôn Lỗ Giao, Xã Việt Hùng, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                     | 250.000.000           | 50,000    | 001087019741                                                                                            |         |
| 2   | BÙI VĂN NGÀ     | Việt Nam  | Nhà số 5, Tuyến 6, Thôn Ngọc Chi, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | 250.000.000           | 50,000    | 001091057798                                                                                            |         |

8. **Người đại diện theo pháp luật:**

\* **Họ và tên:** BÙI VĂN NGÀ **Giới tính:** Nam  
**Chức danh:** Giám đốc  
**Sinh ngày:** 15/02/1991 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam  
**Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân:** Thẻ căn cước công dân  
**Số giấy tờ pháp lý của cá nhân:** 001091057798  
**Ngày cấp:** 11/11/2021 **Nơi cấp:** Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội  
**Địa chỉ thường trú:** Nhà số 5, Tuyến 6, Thôn Ngọc Chi, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  
**Địa chỉ liên lạc:** Nhà số 5, Tuyến 6, Thôn Ngọc Chi, Xã Vĩnh Ngọc, Huyện Đông Anh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. **Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội

